Satisfy Professional's Needs

LXT

CXT

Cordless Impact Wrench Series

18V LITHIUM-ION

12Vmax LITHIUM-ION

Best possible ergonomic handle for screwing applications

A In order to provide maximum thrust to the bit, the top back of the handle is ergonomically designed and widened to perfectly fit the U-shape formed between user's thumb and index finger.

B Ribbed soft grip enables all finger tips to hold the handle securely against the strong rotational force of counter torque even in single-handed operation.

Electronic 2 stage impact power selection (DTW181, DTW180, TW161D, TW160D)

Impact power selection : Soft / Hard

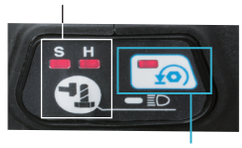

Reverse rotation auto stop mode

LED job light

with preglow and afterglow functions

Twin LED

Single LED

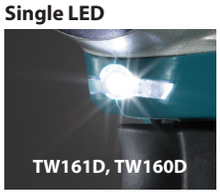

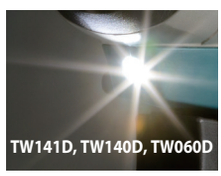

Lightweight and Compact new BL motor

(DTW181, DTW180, TW161D, TW160D)

BL MOTOR

Cordless Impact Wrench

Model No.	DTW181	DTW180	TW161D	TW160D	TW141D	TW140D	TW060D
Battery	18V LITHIUM-ION	18V LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION
Square Drive	12.7 mm (1/2")	9.5 mm (3/8")	12.7 mm (1/2")	9.5 mm (3/8")	12.7 mm (1/2")	9.5 mm (3/8")	6.35 mm (1/4")
Max Fastening Torque	210 N·m (155 ft.lbs.)	180 N·m (130 ft.lbs.)	165 N·m (122 ft.lbs.)	160 N·m (120 ft.lbs.)	145 N·m (107 ft.lbs.)	140 N·m (100 ft.lbs.)	60 N·m (44 ft.lbs.)
BL MOTOR	●	●	●	●	—	—	—
Variable Speed	●	●	●	●	●	●	●
Brake	●	●	●	●	●	●	●
Reversing	●	●	●	●	●	●	●
Electronic 2-Speed	●	●	●	●	—	—	—
Built-in Job Light	Twin	Twin	Single	Single	Single	Single	Single
Carrying Case	●	●	●	●	●	●	●
Net weight	1.2 - 1.5 kg (2.7 - 3.4 lbs.)	1.2 - 1.5 kg (2.7 - 3.4 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.2 - 2.7 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.2 - 2.6 lbs.)	1.1 - 1.2 kg (2.4 - 2.7 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.3 - 2.7 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.3 - 2.6 lbs.)

	DTW181	DTW180	TW161D	TW160D
Fastening Capacities	*Standard Bolt: M8 - M16 (5/16" - 5/8")* *High Tensile Bolt: M6 - M12 (1/4" - 1/2")*	*Standard Bolt: M8 - M16 (5/16" - 5/8")* *High Tensile Bolt: M6 - M12 (1/4" - 1/2")*	*Standard Bolt: M8 - M16 (5/16" - 5/8")* *High Tensile Bolt: M6 - M12 (1/4" - 1/2")*	*Standard Bolt: M8 - M16 (5/16" - 5/8")* *High Tensile Bolt: M6 - M12 (1/4" - 1/2")*
No Load Speed (RPM)	*Hard / Soft: 0 - 2,400 / 0 - 1,300*	*Hard / Soft: 0 - 2,400 / 0 - 1,300*	*Hard / Soft: 0 - 2,400 / 0 - 1,300*	*Hard / Soft: 0 - 2,400 / 0 - 1,300*
Impacts Per Minute (IPM)	*Hard / Soft: 0 - 3,600 / 0 - 2,000*	*Hard / Soft: 0 - 3,600 / 0 - 2,000*	*Hard / Soft: 0 - 3,600 / 0 - 2,000*	*Hard / Soft: 0 - 3,600 / 0 - 2,000*
Vibration Level	*Impact tightening of fasteners of the maximum capacity of the tool: 10.5 m/s²*	*Impact tightening of fasteners of the maximum capacity of the tool: 9.0 m/s²*	*Impact tightening of fasteners of the maximum capacity of the tool: 8.0 m/s²*	*Impact tightening of fasteners of the maximum capacity of the tool: 11.0 m/s²*
Sound Pressure Level	*95 dB(A)*	*89 dB(A)*	*93 dB(A)*	*90 dB(A)*
Sound Power Level	*106 dB(A)*	*100 dB(A)*	*104 dB(A)*	*101 dB(A)*
Dimensions (L x W x H)	*w/ BL1815N / BL1820B:* *151x79x218 mm (5-15/16"x3-1/8"x8-5/8")* *w/ BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B:* *151x79x235 mm (5-15/16"x3-1/8"x9-1/4")*	*w/ BL1815N / BL1820B:* *144x79x218 mm (5-5/8"x3-1/8"x8-5/8")* *w/ BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B:* *144x79x235 mm (5-5/8"x3-1/8"x9-1/4")*	*w/ BL1016/BL1021B:* *150x66x213 mm (5-7/8"x2-5/8"x8-3/8")* *w/ BL1041B:* *150x66x232 mm (5-7/8"x2-5/8"x9-1/8")*	*w/ BL1016/BL1021B:* *144x66x213 mm (5-5/8"x2-5/8"x8-3/8")* *w/ BL1041B:* *144x66x232 mm (5-5/8"x2-5/8"x9-1/8")*

	TW141D	TW140D	TW060D
Fastening Capacities	*Standard Bolt: M8 - M16 (5/16" - 5/8")* *High Tensile Bolt: M6 - M12 (1/4" - 1/2")*	*Standard Bolt: M8 - M16 (5/16" - 5/8")* *High Tensile Bolt: M6 - M12 (1/4" - 1/2")*	*Standard Bolt: M8 - M12 (5/16" - 15/32")* *High Tensile Bolt: M6 - M10 (1/4" - 3/8")*
No Load Speed (RPM)	*0 - 2,600*	*0 - 2,600*	*0 - 2,600*
Impacts Per Minute (IPM)	*0 - 3,200*	*0 - 3,200*	*0 - 3,200*
Vibration Level	*Impact tightening of fasteners of the maximum capacity of the tool: 7.5 m/s²*	*Impact tightening of fasteners of the maximum capacity of the tool: 8.0 m/s²*	*Impact tightening of fasteners of the maximum capacity of the tool: 9.0 m/s²*
Sound Pressure Level	*93 dB(A)*	*88 dB(A)*	*90 dB(A)*
Sound Power Level	*104 dB(A)*	*99 dB(A)*	*101 dB(A)*
Dimensions (L x W x H)	*w/ BL1016/BL1021B:* *168x66x205 mm (6-5/8"x2-5/8"x8-1/8")* *w/ BL1041B:* *168x66x224 mm (6-5/8"x2-5/8"x8-7/8")*	*w/ BL1016/BL1021B:* *161x66x205 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-1/8")* *w/ BL1041B:* *161x66x224 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-7/8")*	*w/ BL1016/BL1021B:* *161x66x205 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-1/8")* *w/ BL1041B:* *161x66x224 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-7/8")*

Standard Equipment : Belt Clip, Battery, Charger

The weight may differ depending on the attachment(s), including the battery cartridge. The lightest and heaviest combination, according to EPTA-Procedure 01/2014, are shown in the table.
Items of standard equipment and specifications may vary by country or area.

Makita Corporation

3-11-8 Sumiyoshi-cho, Anjo, Aichi, 446-8502 Japan

PRINTED IN JAPAN 201904

Đáp ứng yêu cầu sử dụng

LXT
CXT

Dòng Máy Siết Bu Lông Dùng Pin

Dòng Máy Siết Bu lông Nhỏ Gọn Của Makita

12.7mm(1/2")

9.5mm(3/8")

6.35mm(1/4")

210 N·m
(155 ft.lbs.)
DTW181
18V LITHIUM-ION
BL MOTOR

165 N·m
(122 ft.lbs.)
TW161D
12Vmax LITHIUM-ION
BL MOTOR

180 N·m
(130 ft.lbs.)
DTW180
18V LITHIUM-ION
BL MOTOR

145 N·m
(107 ft.lbs.)
TW141D
12Vmax LITHIUM-ION

160 N·m
(120 ft.lbs.)
TW160D
12Vmax LITHIUM-ION
BL MOTOR

60 N·m
(44 ft.lbs.)
TW060D
12Vmax LITHIUM-ION

140 N·m
(100 ft.lbs.)
TW140D
12Vmax LITHIUM-ION

18V LITHIUM-ION

12Vmax LITHIUM-ION

Tay cầm công thái học tốt nhất có thể để vặn các ứng dụng

A Để cung cấp lực đẩy tối đa cho mũi, mặt sau trên cùng của tay cầm được thiết kế phù hợp và mở rộng đến hoàn hảo phù hợp với hình chữ U được hình thành giữa ngón tay cái và ngón trỏ của người dùng.

B Tay nắm mềm có gân cho phép tất cả các đầu ngón tay giữ tay cầm an toàn chống lại lực quay mạnh của mô-men xoắn ngay cả trong hoạt động một tay.

2 bước lựa chọn chế độ sử dụng lựa chọn năng lượng tác động

(DTW181, DTW180, TW161D, TW160D)

Lựa chọn năng lượng tác động: Cứng / Mềm

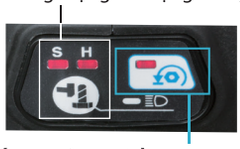

Chế độ đảo chiều dừng tự động

Đèn LED

với chức năng sáng trước tắt sau

Đèn LED đôi

Đèn LED đơn

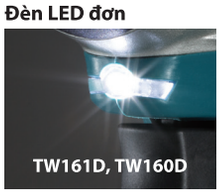

Nhỏ gọn và nhẹ với động cơ không chổi than (DTW181, DTW180, TW161D, TW160D)

BL MOTOR

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin

Mã số Model	DTW181	DTW180	TW161D	TW160D	TW141D	TW140D	TW060D
Pin	18V LITHIUM-ION	18V LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION	12Vmax LITHIUM-ION
Đầu cốt	12.7 mm (1/2")	9.5 mm (3/8")	12.7 mm (1/2")	9.5 mm (3/8")	12.7 mm (1/2")	9.5 mm (3/8")	6.35 mm (1/4")
Lực siết mô-men xoắn tối đa	210 N·m (155 ft.lbs.)	180 N·m (130 ft.lbs.)	165 N·m (122 ft.lbs.)	160 N·m (120 ft.lbs.)	145 N·m (107 ft.lbs.)	140 N·m (100 ft.lbs.)	60 N·m (44 ft.lbs.)
Động cơ không chổi than	●	●	●	●	—	—	—
Nhiều tốc độ	●	●	●	●	●	●	●
Hãm bằng điện	●	●	●	●	●	●	●
Kiểu đảo chiều quay	●	●	●	●	●	●	●
2 tốc độ điện tử	●	●	●	●	—	—	—
Có đèn	Đôi	Đôi	Đơn	Đơn	Đơn	Đơn	Đơn
Hộp đựng đồ	●	●	●	●	●	●	●
Trọng lượng	1.2 - 1.5 kg (2.7 - 3.4 lbs.)	1.2 - 1.5 kg (2.7 - 3.4 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.2 - 2.7 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.2 - 2.6 lbs.)	1.1 - 1.2 kg (2.4 - 2.7 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.3 - 2.7 lbs.)	1.0 - 1.2 kg (2.3 - 2.6 lbs.)

	DTW181	DTW180	TW161D	TW160D
Khả năng siết	Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16 (5/16" - 5/8") Ốc đàn hồi cao: M6 - M12 (1/4" - 1/2")	Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16 (5/16" - 5/8") Ốc đàn hồi cao: M6 - M12 (1/4" - 1/2")	Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16 (5/16" - 5/8") Ốc đàn hồi cao: M6 - M12 (1/4" - 1/2")	Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16 (5/16" - 5/8") Ốc đàn hồi cao: M6 - M12 (1/4" - 1/2")
Tốc độ không tải (RPM)	Cứng / Mềm: 0 - 2,400 / 0 - 1,300	Cứng / Mềm: 0 - 2,400 / 0 - 1,300	Cứng / Mềm: 0 - 2,400 / 0 - 1,300	Cứng / Mềm: 0 - 2,400 / 0 - 1,300
Tốc độ đập (IPM)	Cứng / Mềm: 0 - 3,600 / 0 - 2,000	Cứng / Mềm: 0 - 3,600 / 0 - 2,000	Cứng / Mềm: 0 - 3,600 / 0 - 2,000	Cứng / Mềm: 0 - 3,600 / 0 - 2,000
Độ rung	Lực siết tác động của công suất tối đa của máy: 10.5 m/s²	Lực siết tác động của công suất tối đa của máy: 9.0 m/s²	Lực siết tác động của công suất tối đa của máy: 8.0 m/s²	Lực siết tác động của công suất tối đa của máy: 11.0 m/s²
Độ ồn áp suất	95 dB(A)	89 dB(A)	93 dB(A)	90 dB(A)
Độ ồn động cơ	106 dB(A)	100 dB(A)	104 dB(A)	101 dB(A)
Kích thước (L x W x H)	với BL1815N / BL1820B: 151x79x218 mm (5-15/16"x3-1/8"x8-5/8") với BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B: 151x79x235 mm (5-15/16"x3-1/8"x9-1/4")	với BL1815N / BL1820B: 144x79x218 mm (5-5/8"x3-1/8"x8-5/8") với BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B: 144x79x235 mm (5-5/8"x3-1/8"x9-1/4")	với BL1016/BL1021B: 150x66x213 mm (5-7/8"x2-5/8"x8-3/8") với BL1041B: 150x66x232 mm (5-7/8"x2-5/8"x9-1/8")	với BL1016/BL1021B: 144x66x213 mm (5-5/8"x2-5/8"x8-3/8") với BL1041B: 144x66x232 mm (5-5/8"x2-5/8"x9-1/8")
	DTW181RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah DTW181Z: Không kèm pin, sạc	DTW180RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah DTW180Z: Không kèm pin, sạc	TW161DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah TW161DZ: Không kèm pin, sạc	TW160DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah TW160DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah TW160DZ: Không kèm pin, sạc

	TW141D	TW140D	TW060D
Khả năng siết	Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16 (5/16" - 5/8") Ốc đàn hồi cao: M6 - M12 (1/4" - 1/2")	Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16 (5/16" - 5/8") Ốc đàn hồi cao: M6 - M12 (1/4" - 1/2")	Ốc tiêu chuẩn: M8 - M12 (5/16" - 15/32") Ốc đàn hồi cao: M6 - M10 (1/4" - 3/8")
Tốc độ không tải (RPM)	0 - 2,600	0 - 2,600	0 - 2,600
Tốc độ đập (IPM)	0 - 3,200	0 - 3,200	0 - 3,200
Độ rung	Lực siết tác động của công suất tối đa của máy: 7.5 m/s²	Lực siết tác động của công suất tối đa của máy: 8.0 m/s²	Lực siết tác động của công suất tối đa của máy: 9.0 m/s²
Độ ồn áp suất	93 dB(A)	88 dB(A)	90 dB(A)
Độ ồn động cơ	104 dB(A)	99 dB(A)	101 dB(A)
Kích thước (L x W x H)	với BL1016/BL1021B: 168x66x205 mm (6-5/8"x2-5/8"x8-1/8") với BL1041B: 168x66x224 mm (6-5/8"x2-5/8"x8-7/8")	với BL1016/BL1021B: 161x66x205 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-1/8") với BL1041B: 161x66x224 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-7/8")	với BL1016/BL1021B: 161x66x205 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-1/8") với BL1041B: 161x66x224 mm (6-3/8"x2-5/8"x8-7/8")
	TW141DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah TW141DZ: Không kèm pin, sạc	TW140DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah TW140DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah TW140DZ: Không kèm pin, sạc	TW060DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah TW060DZ: Không kèm pin, sạc

Phụ kiện kèm theo: Móc treo

Trọng lượng có thể khác nhau tùy thuộc vào phụ kiện đi kèm, bao gồm cả bộ pin. Sự kết hợp nhẹ nhất và nặng nhất, tùy theo tiêu chuẩn EPTA 01/2014, được hiển thị trong bảng.
Các phụ kiện kèm theo và thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo quốc gia hoặc khu vực.

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM
Kho 4-5-6, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II, P. Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT : 0274 362 8338 - Fax : 0274 362 8339 - Website : www.makita.com.vn

CHI NHÁNH CTY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC
Kho 5, số 1, đường số 6, KCN - ĐT - DV VSIP Bắc Ninh, X. Phù Chẩn, T.X Từ Sơn, T. Bắc Ninh
ĐT : 0222 376 5942 Fax : 0222 376 5941

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
102 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT : 0236 352 5079/ 0236 352 5179 Fax : 0236 352 5479

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ
226 Võ Văn Kiệt, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
ĐT : 0292-3894358 Fax : 0292-3894359

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT
60 Y Jút, P.Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột,T. Đắk Lắk
ĐT : 0262 355 4556 Fax: 0262 355 4557

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Số 15, Phố Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại : 0225 8831 529

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH NHA TRANG
1053 Đường 2 tháng 4, P.Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa
ĐT : 0258 3823 338

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH
Số 12 Trịnh Văn Cấn, P. Cầu Ông Lãnh, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 3821 5191